

Bản án số: 510/2023/HS-PT
Ngày: 27/10/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Tào**

 ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đinh Thị Thanh Yên** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
bà **Nguyễn Thị Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 448/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Đặng Trần Hồng Đ cùng 04 bị cáo khác về tội “*Giết người*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HSST-CTN ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đặng Trần Hồng Đ, sinh ngày 18 tháng 6 năm 1997 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; con ông Đặng Trần Thái B, sinh năm 1975 (đã chết ngày 09/4/2023) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; sống như vợ chồng với Phan Văn T có 02 con chung sinh năm 2013 và năm 2015; năm 2021 sống chung như vợ chồng với Hồ Văn Q có 01 con chung sinh tháng 02 năm 2022; tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Mai Anh T1, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2002 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: tổ D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính:

nữ; con ông Mai Trọng V, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1979; sống chung như vợ chồng với Phan Phước Gia K và có 01 con chung sinh tháng 02 năm 2020; tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

3. Đặng Trần Hồng Á, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2001 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; con ông Đặng Trần Thái B, sinh năm 1975 (đã chết ngày 09/4/2023) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4. Đặng Hồng T2, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2005 tại thành phố Đà Nẵng (*tính đến ngày phạm tội bị cáo 16 tuổi 03 tháng 10 ngày*); nơi cư trú: tổ B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; con ông Đặng Trần Thái B, sinh năm 1975 đã chết ngày 09/4/2023) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; có 01 con sinh ngày 14 tháng 06 năm 2022; tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn P, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2002 tại thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: K đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Nguyễn D (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

+ *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Trần Hồng Đ và bị cáo Đặng Hồng T2:* ông Nguyễn Thành Đ1, Luật sư Công ty TNHH H4 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị cáo;

Địa chỉ: E N, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Mai Anh T1:* ông Trương Ngọc Á1, Luật sư Công ty TNHH MTV S thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ.

Địa chỉ: H Hồ P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Mai Anh T1); có mặt tại phiên tòa.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Trần Hồng Á:* bà Trần Thị Thùy T3, Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị cáo;

Địa chỉ: số B N, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

+ *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn P: bà Lê Thị Hồng T4, Luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ thực hiện trợ giúp pháp lý cho bị cáo;

Địa chỉ: H H, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo*: bà Lê Thị T5, sinh năm 1975 (mẹ ruột của bị hại);

Nơi cư trú: tổ F, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/7/2021, Đặng Thị Tuyết N1 kể cho chị gái là Đặng Trần Hồng Á việc N1 mâu thuẫn với Lê Đoàn Ngọc T6 trên mạng xã hội Facebook. Nghe xong, Á nhắn tin cho T6, hai bên có lời qua tiếng lại thách thức nhau và hẹn tối 29/7/2021 gặp nhau trước khu chung cư P, phường H, quận C để giải quyết mâu thuẫn. Ánh kể lại sự việc với Đặng Trần Hồng Đ (chị gái của Á) và Đặng Hồng T2 (em gái của Á) thì Đ và T2 nói cùng Á đi gặp T6 để giải quyết mâu thuẫn.

Tối ngày 29/7/2021, Đ nói N1 ở nhà trông con giúp Đ (Đ không nói với N1 đi đâu). Đào cùng Á, T2, Nguyễn P (bạn của Á), Hồ Văn Q (bạn của Đ) và P1 (không rõ lai lịch, bạn của T2). Q, P và P1 đều biết chị em của Đ đi tìm gặp T6 để giải quyết mâu thuẫn. Do Đ đang mang thai (con chung với Q) nên Q nói Đ đừng đi, nhưng Đ vẫn đi, Quốc lo cho Đ nên đã đi theo. Khi đến khu chung cư P, cả nhóm không thấy T6 nên quay về phòng trọ của Đ tại K đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Lúc này, Đ liên lạc với Mai Anh T1 hỏi có biết Lê Đoàn Ngọc T6 không và kể lại sự việc mâu thuẫn giữa N1 và T6, đồng thời rủ T1 đi tìm T6 đánh nhau, T1 đồng ý. Sau đó, T1 nói với Phan Phước Gia K, Trần Phước H1 (không rõ lai lịch, bạn của K) và Thanh N2 (không rõ lai lịch, bạn của H1) đi xem đánh nhau không, thì cả 03 người này đồng ý. K chở T1, H1 chở N2 cùng đi đến phòng trọ của Đ. Khi đi, T1 mang theo 01 kéo bằng kim loại (loại kéo dùng để cắt chỉ), mũi nhọn, dài khoảng 10 cm, bỏ vào túi áo khoác (T1 khai Đ biết việc T1 mang theo kéo, còn các bạn T1 biết việc này hay không T1 không rõ).

Khoảng 22 giờ cùng ngày, Đ đi xe máy cùng D1 (không rõ lai lịch, bạn của T2), Thanh N2 chở T1, P chở Á, H2 (không rõ lai lịch, bạn của T2) chở T2, K chở H1, Q chở P1 đi đến khu chung cư P lần 2 để tìm T6.

Lúc này, nhóm của Lê Đoàn Ngọc T6 gồm Phan Thành T7 chở T6, Nguyễn Văn H3 chở Đỗ Thị Ngọc V1 - Nguyễn Thị Tú N3 đi đến và đi cùng hướng với nhóm Đ về phía khu chung cư.

Khi đi qua khu chung cư thì H2 la lớn “con T6 kia”. Nghe vậy, T1 nói Thanh N2 chạy xe từ phía sau đi đến song song với xe của T6 và hỏi “có phải Lê Đoàn Ngọc T6 không”, T6 trả lời “phải, mà răng”, liền lúc đó T1 dùng chân

phải đập vào người T6, T7 loạng choạng tay lái làm xe máy nghiêng sang phải, T6 rơi khỏi xe, ngã xuống đường. T1 nhảy xuống xe, chạy đến dùng tay đánh T6. Hai bên xô xát nhau, T6 vật T1 ngã xuống đường. Thấy T1 bị T6 đánh, Đ chạy đến dùng mũ bảo hiểm (loại mũ lưỡi trai màu trắng) đánh vào đầu T6. Được Đ hỗ trợ, T1 đứng dậy tiếp tục đánh T6, T1 cầm kéo bằng tay phải, dùng tay trái túm cổ áo T6 và đâm vào vùng vai, lưng của T6. Thúy ngồi bệt xuống đường, hai chân co lại, hai tay ôm đầu, T1 vẫn tiếp tục đâm T6, Đ dùng mũ bảo hiểm tiếp tục đánh T6 làm mũ bị bể nên Đ dùng tay tát vào mặt, dùng chân đá vào người T6. T2 chạy đến dùng chân đá vào người T6. Lúc này, P1, Q, P, Á đi phía trước, quay lại thấy mọi người tụ tập phía sau nên quay xe lại. Thấy Đ, T1, T2 đánh T6 thì Á liền nhảy xuống xe, chạy đến dùng chân đá vào người T6. Thấy T6 bị đánh, T7, Tú N3 và V1 chạy vào can ngăn thì P đứng gần đó chỉ tay nói “Mi can cái chi” nên T7 đi ra. P1 chở Q vừa đi đến, thấy Đ đánh T6, nên Q nói Đ “đừng đánh nữa”. Khi K và H1 quay xe lại cách chỗ T1 khoảng 4 đến 5 mét thấy T1 và T6 đánh nhau, K la lớn “mi điên hả T1” và định vào can ngăn thì Nguyễn Thị Tú N3 (bạn của T6) đã chạy đến kéo T1 ra. Thấy nhiều người dân đi đến, T1 và cả nhóm lên xe bỏ đi. Lê Đoàn Ngọc T6 được bạn chở đến bệnh viện cấp cứu.

+Tang, tài vật tạm giữ:

- 01 mũ bảo hiểm lưỡi trai màu trắng đã bị bể;
- 01 điện thoại di động iphone màu xám, ốp nhựa màu đen, không có sim (của Đặng Thị Tuyết N1).
- 01 điện thoại di động Iphone màu đen, ốp nhựa dẻo trong, mặt trước bị nứt, sim 0935482161 (của Phan Phước Gia K);
- 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, ốp hồng, sim 0898146455 (của Mai Anh T1).

* Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 1201/C09C-DD3 ngày 14/10/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận: Lê Đoàn Ngọc T6 bị đa chấn thương, đã được điều trị. Hiện tại có các tổn thương sau:

- Vùng vai trái, cách đường giữa 13,5cm, ngay dưới bờ vai có sẹo kích thước 01x0,3cm, màu hồng, mép gọn, di động, không đau;
- Vùng vai phải, cách đường giữa 07cm, cách dưới bờ vai 02cm có sẹo kích thước 1,3x0,2cm, màu hồng, mép gọn, di động, không đau;
- Vùng lưng phải, cách đường giữa 6,5cm, cách dưới bờ vai 20cm có sẹo kích thước 1,3x0,2cm, màu hồng, mép gọn, di động, không đau;
- Vùng hông phải, cách gai chậu trước trên 09cm có sẹo kích thước 01x03cm, màu hồng, mép gọn, di động, không đau;
- Vùng hông trái, cách gai chậu trước trên 15cm có sẹo kích thước 01x0,2cm, màu hồng, mép gọn, di động, không đau;
- Tổn thương màng phổi phải gây tràn dịch, tràn khí màng phổi phải;

- Đụng dập nhu mô phân thùy đáy sau phổi phải.

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Đoàn Ngọc T6 tại thời điểm giám định là 15%.

Cơ chế hình thành thương tích do vật sắc nhọn gây nên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HSST-CTN ngày 01/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Trần Hồng Đ, Mai Anh T1, Đặng Trần Hồng Á, Đặng Hồng T2 và Nguyễn P phạm tội: “*Giết người*”.

1. Căn cứ điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đặng Trần Hồng Đ **09 (chín) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Căn cứ điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Mai Anh T1 **09 (chín) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Căn cứ điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đặng Trần Hồng Á **07 (bảy) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

4. Căn cứ điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đặng Hồng T2 **04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

5. Căn cứ điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Phúc 06 (sáu) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2023, các bị cáo Mai Anh T1, Đặng Trần Hồng Đ, Đặng Trần Hồng Á, Đặng Hồng T2, Nguyễn P kháng cáo cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/8/2023, người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lê Thị T5 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đặng Trần Hồng Đ, Đặng Trần Hồng Á, Đặng Hồng T2, Nguyễn Phúc .

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại; giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo đều thống nhất tội danh, điều luật mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi xét xử sơ thẩm, mỗi bị cáo Đặng Trần Hồng Đ, Đặng Trần Hồng Á, Đặng Hồng T2, Nguyễn P bồi thường cho bị hại 6.250.000 đồng, đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bản án sơ thẩm đã nhận định, hoàn cảnh gia đình khó khăn cũng như lần đầu phạm tội để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Ngày 07/8/2023 và ngày 14/8/2023, các bị cáo Mai Anh T1, Đặng Trần Hồng Đ, Đặng Trần Hồng Á, Đặng Hồng T2, Nguyễn P và người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lê Thị T5 (mẹ của bị hại) kháng cáo cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo và bà T5 là chủ thể có quyền kháng cáo, Đơn kháng cáo của những người kháng cáo trong thời hạn theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

[2.1]. Về tội danh:

Sau khi nghe Đặng Thị Tuyết N1 kể về việc N1 có mâu thuẫn với Lê Đoàn Ngọc T6 trên mạng xã hội Facebook, Đặng Trần Hồng Á (chị gái của N1) nhắn tin cho Lê Đoàn Ngọc T6, hai bên thách thức và hẹn gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn. Ánh kể lại sự việc với Đặng Trần Hồng Đ (chị gái của Á) và Đặng Hồng T2 (em gái của Á) thì Đ và T2 nói cùng Á đi gặp T6 để giải quyết mâu thuẫn; đồng thời Đ rủ Mai Anh T1 cùng tham gia.

Ngày 29/7/2021, Đặng Trần Hồng Đ đi xe máy cùng D1 (không rõ nhân thân, lai lịch), Thanh N2 (không rõ nhân thân, lai lịch) chở Mai Anh T1, Nguyễn P chở Đặng Trần Hồng Á, H2 (không rõ nhân thân, lai lịch) chở Đặng Hồng T2, K chở H1, Q chở P1 để tìm gặp Lê Đoàn Ngọc T6. Vào khoảng 22 giờ cùng ngày, tại khu chung cư P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, khi gặp được T6 đang ngồi sau xe máy do Phan Thành T7 chở, T1 đã dùng chân phải đạp vào người T6, làm T6 rơi khỏi xe máy và ngã xuống đường. T1 nhảy xuống xe rồi xông vào đánh T6. Thấy vậy, Đ cũng dùng mũ bảo hiểm đánh nhiều cái vào vùng đầu T6, làm mũ bảo hiểm bị vỡ, sau đó tiếp tục dùng chân đạp vào ngực

T6, còn T1 dùng kéo bằng kim loại mũi nhọn dài khoảng 10 cm đâm 03 nhát vào vùng lưng và 02 nhát vào vai của T6 cho đến khi có Phan Phước Gia K (sống chung như vợ chồng với T1) đến la lên và Nguyễn Thị Tú N3 (bạn của T6) đến kéo T1 ra thì T1 mới dừng lại. Cùng đó, T2 và Á cũng chạy đến dùng chân đạp vào chân T6. Thấy T6 bị đánh, T7 chạy vào can ngăn thì bị Nguyễn Phúc đ gần đó chỉ tay nói: “*Mi can cái chi*”, nên T7 đi ra.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 1201/C09C-DD3 ngày 14/10/2021 của Phân Viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận:

Lê Đoàn Ngọc T6 bị đa chấn thương. Hiện tại có các tổn thương sau: Sẹo vùng vai trái và phải; vùng lưng phải; hông phải và hông trái, tổn thương màng phổi phải gây tràn dịch, tràn khí màng phổi phải; đụng dập nhu mô phân thùy đáy sau phổi phải. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Đoàn Ngọc T6 tại thời điểm giám định là 15%.

Mặc dù quá trình điều tra và tại phiên tòa, Đ cho rằng không biết T1 có mang theo kéo để đánh T6. Tuy nhiên, lời khai của T1 trong suốt quá trình tố tụng (BL 267 đến 270, BL 613) đều khẳng định T1 có nói cho Đ biết là T1 có mang theo kéo. Lời khai của T1 phù hợp với diễn biến khách quan trước, trong và sau khi T6 bị T1 đâm. Trong cùng một lúc, các bị cáo thực hiện hành vi liên tục, kế tiếp nhau, hỗ trợ nhau để đánh T1: T1 đạp ngã T6 và xông vào đánh T6; Đ dùng mũ bảo hiểm đánh T6; T1 cầm kéo đâm liên tục vào vùng vai và lưng của T6; T7 (bạn của T6) vào can ngăn thì bị P cầm cản. Khi đánh T6, T1 nói: “*đừng đánh nữa, em đâm con T6 rồi*” thì Đ không có phản ứng gì. Sau khi T6 nhập viện, trong nhóm Facebook mang tên “*ở đây có những xinhxx*” gồm có Đ, Á, T2 thì Đ có nhắn: “*...Hắn đang nằm dưới cấp cứu, tôi ni ta vs (với) m (mi) xún (xuống) làm cho hắn phát nữa cho hắn die (chết) lun (luôn) cho r (rồi)*”; T2 trả lời: “*Ồi làm phát nữa cho bỏ tật mất dạy...*”.

Như vậy, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt, bị cáo có hành vi dùng kéo là hung khí nguy hiểm đâm liên tiếp vào lưng, vai là vùng trọng yếu của cơ thể gây thương tích cho bị hại 15% thỏa mãn cấu thành tội “*Giết người*”; trong đó T1 là người thực hành, các bị cáo khác là đồng phạm giúp sức, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị hại chỉ mới 15 tuổi 17 ngày. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Mai Anh T1, Đặng Trần Hồng Đ, Đặng Trần Hồng Á, Đặng Hồng T2, Nguyễn P về tội “*Giết người*” theo quy định tại điểm b, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại, thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Mặc dù cùng thực hiện tội phạm nhưng với tính chất mức độ khác nhau nên HĐXX cần xem xét, phân hóa vai trò của mỗi bị cáo để cụ thể hóa mức hình phạt cho phù hợp.

[2.2.1]. Đối với các bị cáo Đặng Trần Hồng Đ và Mai Anh T1:

Sau khi nghe kể lại sự việc mâu thuẫn trên Facebook của em gái mình là Đặng Thị Tuyết N1, Đ là người chủ động nhắn tin thách thức và hẹn gặp T6 để giải quyết mâu thuẫn, đồng thời là người rủ rê Mai Anh T1 tham gia. Bị cáo Đ dùng mũ bảo hiểm đánh nhiều cái vào vùng đầu của T6 và làm mũ bảo hiểm bị vỡ, dùng tay tát vào mặt, dùng chân đá vào người T6. Còn Mai Anh T1 mặc dù không quen biết T6, không có mâu thuẫn gì với T6 nhưng khi được Đ rủ đi, T1 liền đồng ý và còn chuẩn bị hung khí (kéo) mang theo đánh nhau. Khi gặp bị hại, T1 là người đầu tiên lao vào đánh T6, dùng chân đạp ngã T6 và trực tiếp dùng kéo đâm nhiều nhát liên tục vào vai, lưng bị hại.

Trong vụ án này, Đ là người khởi xướng và giúp sức tích cực, T1 là người thực hành. Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi và vai trò của Đ và T1 là ngang nhau nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt mức án ngang nhau và cao hơn các bị cáo khác là phù hợp.

[2.2.2]. Đối với các bị cáo Đặng Trần Hồng Á và Đặng Hồng T2:

Cũng như các bị cáo khác, Á và T2 đều không quen biết, không có mâu thuẫn gì với T6 nhưng các bị cáo vẫn tiếp nhận ý chỉ của Đ để gặp T6 giải quyết mâu thuẫn. Khi Đ và T1 đánh T6, liền sau đó T2 và Á có hành vi dùng chân đạp vào hai chân của T6. So với Đ thì Á và T2 đồng phạm giản đơn hơn, giúp sức thứ yếu. Tính chất, mức độ hành vi của 02 bị cáo ngang nhau nên mức hình phạt cũng tương đương và thấp hơn bị cáo Đ, bị cáo T1. Đồng thời, T2 là người chưa thành niên phạm tội nên được Tòa án xem xét khi lượng hình theo quy định pháp luật.

[2.2.3]. Đối với bị cáo Nguyễn P:

Khi thấy các bị cáo khác xông vào đánh T6, P không những không can ngăn mà còn ngăn cản người khác không được vào can ngăn, để mặc T6 bị vây đánh. Bị cáo là người giúp sức thứ yếu, hành vi của bị cáo đã tạo điều kiện cho bị cáo khác tiếp tục đánh T6. Bị cáo không trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại, không có hành vi nào tác động lên cơ thể bị hại nên bị cáo chịu mức án nhẹ nhất trong các bị cáo và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của mình.

[2.2.4]. Tại cấp sơ thẩm, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo đã bồi thường thiệt hại với số tiền 60.000.000 đồng; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho các bị cáo. Đối với bị cáo Đặng Trần Hồng Đ và Đặng Hồng T2 được áp dụng thêm tình tiết “*người phạm tội là phụ nữ có thai*” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51; bị cáo T1 được hưởng thêm tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 do có bà ngoại Lê Thị D2 được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt: Đặng Trần Hồng Đ, Mai Anh T1 mỗi bị cáo 09 năm tù; Đặng Trần Hồng Á 07 năm tù; Đặng Hồng T2 04 năm 06 tháng tù; Nguyễn P 06 năm tù là đã xem xét toàn diện vụ án, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thể hiện sự phân hóa vai trò tội

phạm, đảm bảo nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội cũng như công tác giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2.2.5]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Đặng Trần Hồng Đ, Đặng Trần Hồng Á, Đặng Hồng T2 và Nguyễn P đã bồi thường thêm cho người bị hại mỗi bị cáo 6.250.000 đồng như đã thỏa thuận tại cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng, các bị cáo đã thực hiện xong phần trách nhiệm dân sự của mình; người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đ, Á, T2, P; các bị cáo Đ, Á, T2 là chị em ruột, đều có hoàn cảnh khó khăn, bố mất sớm, mẹ của các bị cáo mắc bệnh gan và đang điều trị; bị cáo Đ và bị cáo T2 hiện là mẹ đơn thân nuôi con nhỏ, trong đó bị cáo Đ có 03 con. Đối với bị cáo Mai Anh T1, mặc dù người đại diện hợp pháp của bị hại không có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhưng sau khi xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị T5 đã có đơn trình bày xin giảm nhẹ hình phạt cho T1; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường đầy đủ cho bị hại trước khi xét xử sơ thẩm, điều này thể hiện bản thân bị cáo có thái độ tích cực, thực sự ăn năn hối cải; bị cáo cũng là mẹ đơn thân đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Anh T1, Đặng Trần Hồng Đ, Đặng Trần Hồng Á, Đặng Hồng T2, Nguyễn P và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lê Thị T5, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo và bà Lê Thị T5 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]. Các phần quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Anh T1, Đặng Trần Hồng Đ, Đặng Trần Hồng Á, Đặng Hồng T2, Nguyễn P và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lê Thị T5; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HSST-CTN ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với các bị cáo.

1.1. Căn cứ điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đặng Trần Hồng Đ **08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.2. Căn cứ điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **M (tám) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.3. Căn cứ điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Đặng Trần Hồng Á 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.4. Căn cứ điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 91; khoản 1 Điều 101 và khoản 3 Điều 102 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Đặng Hồng T2 04 (bốn) năm tù** về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.5. Căn cứ điểm b, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 3 Điều 57 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Phúc 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Mai Anh T1, Đặng Trần Hồng Đ, Đặng Trần Hồng Á, Đặng Hồng T2, Nguyễn P và đại diện hợp pháp của bị hại là bà Lê Thị T5 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đức Kiên